

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



ĐỒ ÁN MÔN HỌC
LẬP TRÌNH WEB

XÂY DỰNG WEBSITE THỜI TRANG FOU
SHOP

GVHD: Nguyễn Hữu Vĩnh

SVTH: Ngô Trường Vũ

Nguyễn Tấn Đạt

MSSV: 2024801030014

2024801030190

LỚP: D20KTPM02

BÌNH DƯƠNG - 11/2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



ĐỒ ÁN MÔN HỌC
LẬP TRÌNH WEB

XÂY DỰNG WEBSITE THỜI TRANG FOU
SHOP

GVHD: Nguyễn Hữu Vĩnh

SVTH: Ngô Trường Vũ

Nguyễn Tấn Đạt

MSSV: 2024801030014

2024801030190

LỚP: D20KTPM02

BÌNH DƯƠNG - 11/2021

<i>Tiêu chí</i>		<i>Trọng số %</i>	<i>Tốt 100%</i>	<i>Khá 75%</i>	<i>Trung bình 50%</i>	<i>Kém 0%</i>
Thái độ tham gia tích cực	Nêu ý tưởng	05	<input checked="" type="checkbox"/> Tích cực tìm kiếm và chủ động đưa ra ý tưởng mang tính mới	<input type="checkbox"/> Tìm kiếm và đưa ra được ý tưởng khá tốt	<input type="checkbox"/> Chọn ý tưởng trong số được đề nghị	<input type="checkbox"/> Không quan tâm lựa chọn ý tưởng
	Lập kế hoạch thực hiện	05	<input checked="" type="checkbox"/> Hoàn toàn hợp lý, không cần điều chỉnh	<input type="checkbox"/> Khá hợp lý, điều chỉnh chút ít theo góp ý	<input type="checkbox"/> Chưa hợp lý, có điều chỉnh theo góp ý	<input type="checkbox"/> Không hợp lý và không điều chỉnh theo góp ý
Quá trình thực hiện project nghiêm túc	Giai đoạn chuẩn bị	10	<input checked="" type="checkbox"/> Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho việc thực hiện project, có thể khởi động ngay	<input type="checkbox"/> Chuẩn bị được đa số điều kiện cho việc thực hiện, có thể khởi động và bổ sung sau	<input type="checkbox"/> Chuẩn bị được một số điều kiện cho việc thực hiện nhưng cần bổ sung thêm mới có thể khởi động	<input type="checkbox"/> Không chuẩn bị được điều kiện nào
	Giai đoạn thực hiện	10	<input checked="" type="checkbox"/> Thực hiện hoàn toàn đúng phương pháp	<input type="checkbox"/> Thực hiện khá đúng phương pháp, sai sót nhỏ và có sửa chữa	<input type="checkbox"/> Thực hiện tương đối đúng phương pháp, sai sót quan trọng và có sửa chữa	<input type="checkbox"/> Thực hiện không đúng phương pháp, sai sót không sửa chữa
		10	<input type="checkbox"/> Triển khai đúng kế hoạch	<input checked="" type="checkbox"/> Triển khai khá đúng kế hoạch, có chậm trễ nhưng không gây ảnh hưởng	<input type="checkbox"/> Triển khai tương đối đúng kế hoạch, có chậm trễ gây ảnh hưởng nhưng khắc phục được	<input type="checkbox"/> Triển khai chậm trễ, gây ảnh hưởng không khắc phục được
	Mức độ đạt được mục tiêu thành phần	20	Ghi rõ từng mục tiêu thành phần (ở mỗi giai đoạn của project) và thang điểm cụ thể			
Báo cáo kết quả bằng văn bản rõ ràng	Nội dung báo cáo	10	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tiến trình thực hiện - Thuyết minh sản phẩm - Bài học rút ra 			
	Trình bày báo cáo	10	<ul style="list-style-type: none"> - Format nhất quán - Văn phong phù hợp 			
Chất lượng sản phẩm		20	<ul style="list-style-type: none"> - Các chức năng của sản phẩm (5) - Giao diện sản phẩm (10) - Hiểu nội dung sản phẩm (5) 			

đáp ứng các tiêu chí đề ra			
ĐIỂM PROJE CT	ĐIỂM: GÓP Ý LĨNH VỰC CẦN CẢI TIẾN: - Về phương pháp học tập, suy nghĩ, xử lý vấn đề: - Về kiến thức, kỹ năng, thái độ: - Khác: - Phương pháp cải tiến: - Nơi có thể cung cấp sự hỗ trợ: TÊN HỌ VÀ CHỮ KÝ XÁC NHẬN CỦA GV:		
	Ghi nhận của GV <i>(phần này do GV ghi và lưu riêng để theo dõi, tư vấn cho cá nhân SV, không phổ biến cho lớp, nhóm)</i>	GÓP Ý CẢI TIẾN CHO CÁ NHÂN: - Về phương pháp học tập, suy nghĩ, xử lý vấn đề: - Về kiến thức, kỹ năng, thái độ: - Khác: - Phương pháp cải tiến: - Nơi có thể cung cấp sự hỗ trợ:	

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH SÁCH CÁC KÝ TỰ, CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
Tiếng Việt	
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DH	Đơn hàng
SP	Sản phẩm
TK	Tài khoản
QL	Quản lý
Tiếng Anh	
UC	Use Case

MỞ ĐẦU

Thời đại cuộc sống hiện nay, vấn đề được quan tâm nhất đó là “Thời trang đã là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của. Mặc như thế nào cho hợp với bản thân và địa điểm nơi mình đến là một vấn đề khó với mọi người. Nhằm giúp giải quyết vấn đề đó nhất chúng tôi đã thiết kế trang web Thời Trang Fou. Web Thời Trang Fou thiết kế những modul (áo sơ mi, áo khoác, áo len, quần je xách và giày dép) phù hợp cho người dùng.

Vì thế, em quyết định chọn đề tài “*Xây dựng website Thời Trang Fou*” nhằm thực hiện được một số chức năng còn thiếu của hệ thống hiện tại.

Cấu trúc của đồ án:

- Phần mở đầu
- Chương 1: Tổng quan
- Chương 2: Phân tích hệ thống
- Chương 3: Thiết kế cơ sở dữ liệu
- Chương 4: Giao diện và cài đặt chương trình
- Kết luận và hướng phát triển

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

1.1. MÔ TẢ BÀI TOÁN

Hệ thống cung cấp chức năng mua quần áo bằng hình thức đăng nhập. Đối với người ngoài cần liên hệ trực tiếp đến Trung tâm thương mại để nhân viên tư vấn và hỗ trợ việc mua hàng.

Sau khi đăng nhập, khách hàng sẽ dựa vào nhu cầu mua hàng để mua. Hệ thống sẽ quản lý việc tạo đơn hàng và sản phẩm giải quyết các vấn đề liên quan giao hàng và nhận hàng của khách hàng

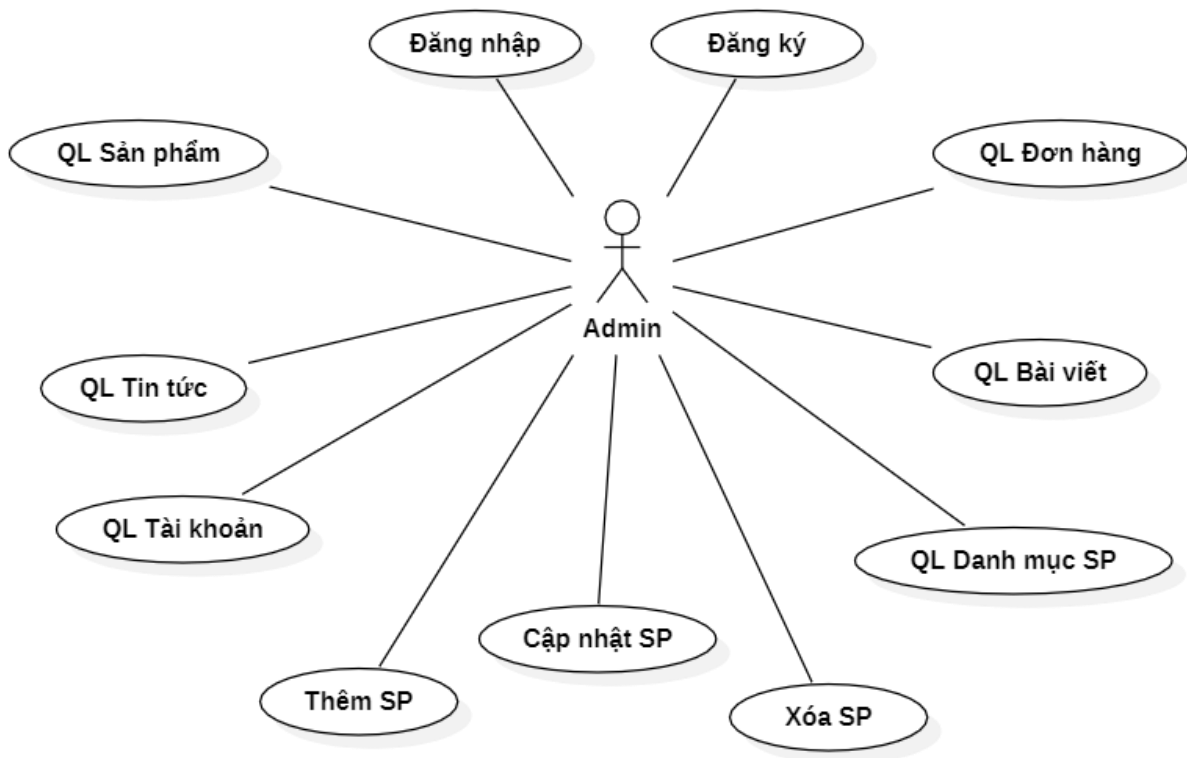
1.2. CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

STT	CHỨC NĂNG	MÔ TẢ
1	Quản lý tài khoản	Admin được quản lý về những thông tin: thêm TK,xóa TK,cập nhật Tk
2	Quản lý sản phẩm	Website thời trang có nhiều SP. Các SP sẽ được hiện ra theo yêu cầu người dùng...
3	Quản lý đơn hàng	Admin có thể quản lý các đơn hàng bao gồm thời gian giao hàng đặt hàng có thể xóa đơn hàng,hay cập nhật đơn hàng
4	Quản lý nhân viên	Có thể đăng ký thông tin cho nhân viên, thêm,xóa và cập nhật danh sách nhân viên
5	Nhân viên	Nhân viên có thể cập nhật, xem chi tiết thông tin đơn hàng hoặc xóa và cập nhật đơn hàng nếu người dùng không có yêu cầu đặt hàng nữa

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

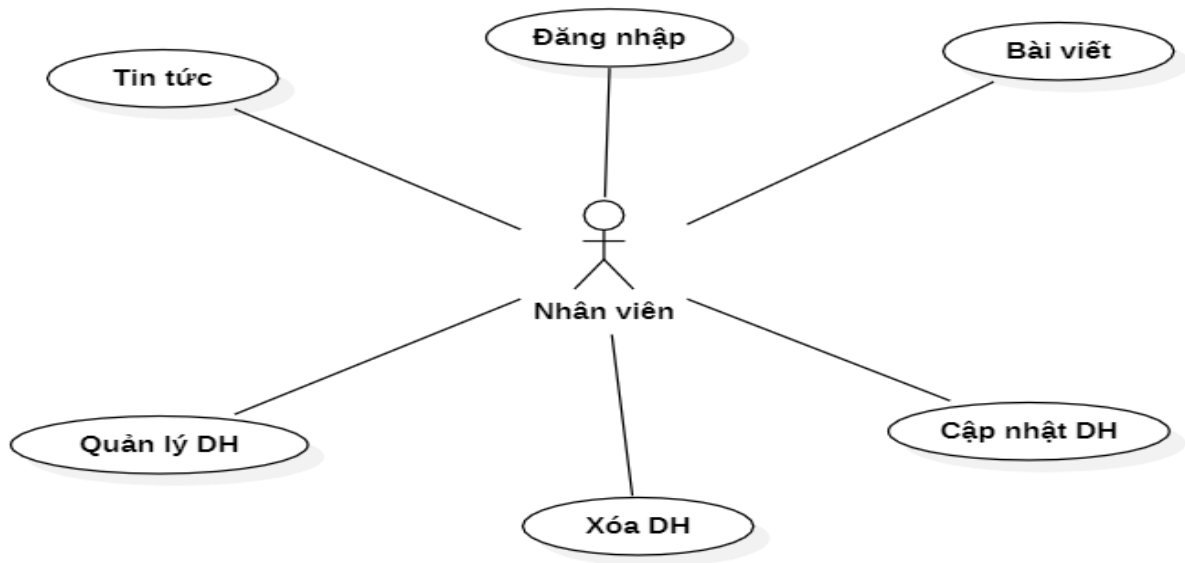
2.1. SƠ ĐỒ USE CASE

2.1.1. Sơ đồ use case admin



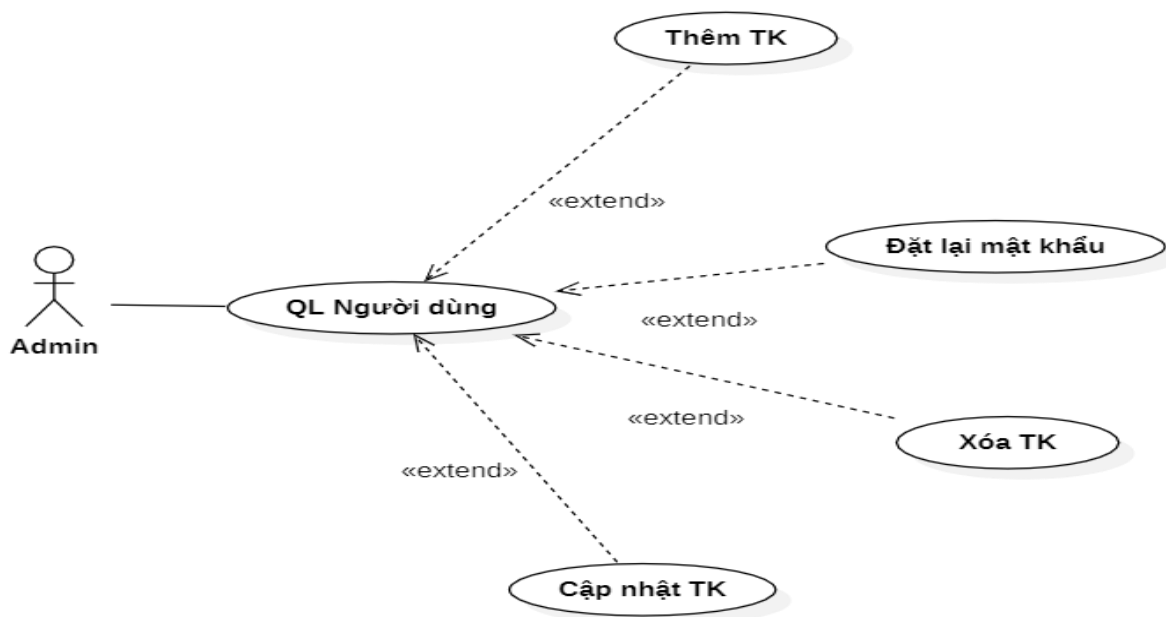
Hình 2.1: Sơ đồ use case của actor admin

2.1.2. Sơ đồ use case nhân viên



Hình 2.2: Sơ đồ use case của actor nhân viên

2.1.3. Sơ đồ use case quản lý người dùng



Hình 2.3: Sơ đồ use case quản lý người dùng

Mô tả use case *QUANLYNGUOIDUNG*

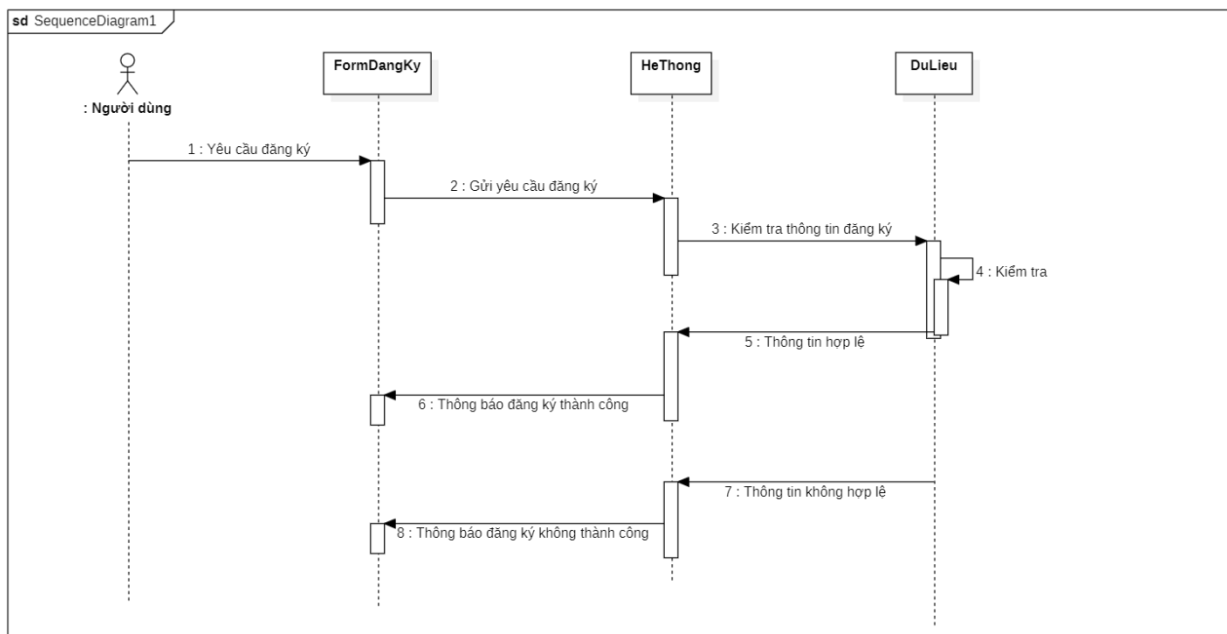
Use case: 003_QUANLYNGUOIDUNG	
Mục đích	Quản lý người dùng
Mô tả	Giúp quản lý người dùng dễ dàng
Tác nhân	administrator
Điều kiện trước	Phải có người dùng trong hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Administrator chọn “Thêm mới”. 2. Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới người dùng. 3. Hệ thống yêu cầu điền thông tin người dùng mới. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin. Hệ thống báo thêm thành công. 5. Administrator chọn cập nhật. 6. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin người dùng
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu của người dùng nhập vào có đúng không.

	2. Khi đăng nhập không thành công hệ thống sẽ thông báo lỗi “Tên đăng nhập hoặc mật khẩu của bạn không đúng”, và cho phép người dùng đăng nhập lại hoặc kết thúc.
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công người dùng mới vào hệ thống.

	<p>Hệ thống báo thêm thành công.</p> <p>5. Người dùng muốn cập nhật thông tin phòng.</p> <p>6. Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin phòng.</p> <p>7. Người dùng muốn tìm kiếm thông tin phòng</p> <p>8. Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm phòng</p>
Luồng sự kiện phụ	<p>1. Nếu xảy ra lỗi trong lúc thao tác thì hệ thống sẽ thông báo “thất bại”</p> <p>2. Nếu thành công thì thông tin sẽ hiện kết quả lên màn hình..</p>
Điều kiện sau	Thêm mới, cập nhật thành công phòng mới vào hệ thống.

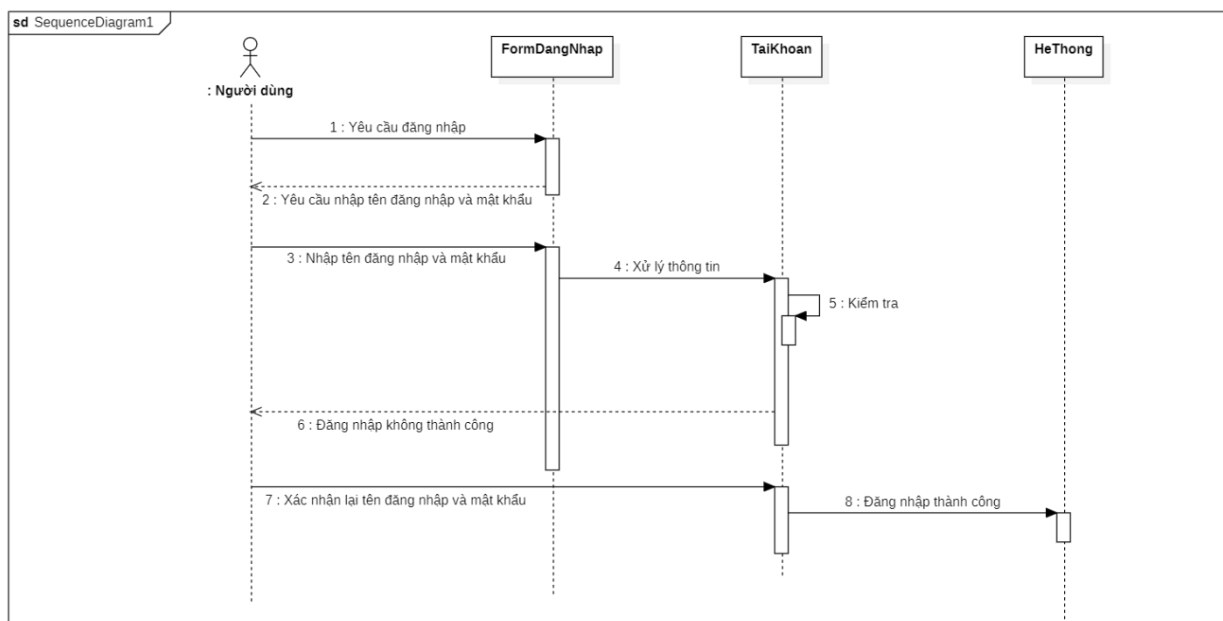
2.2. SƠ ĐỒ TRÌNH TỰ

2.2.1. Sơ đồ trình tự đăng ký



Hình 2.14: Sơ đồ trình tự đăng ký

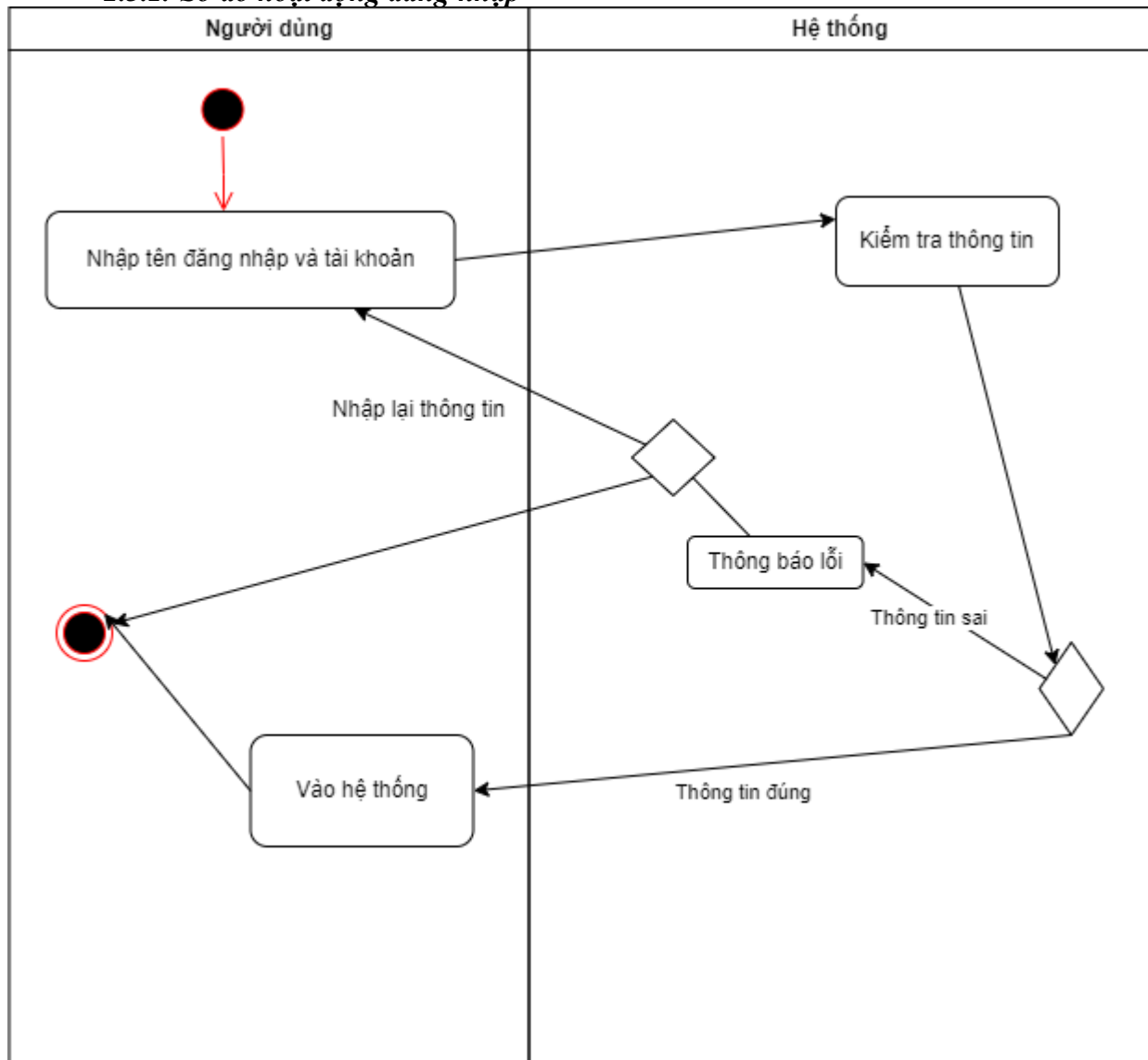
2.2.2. Sơ đồ trình tự đăng nhập



Hình 2.15: Sơ đồ trình tự đăng nhập

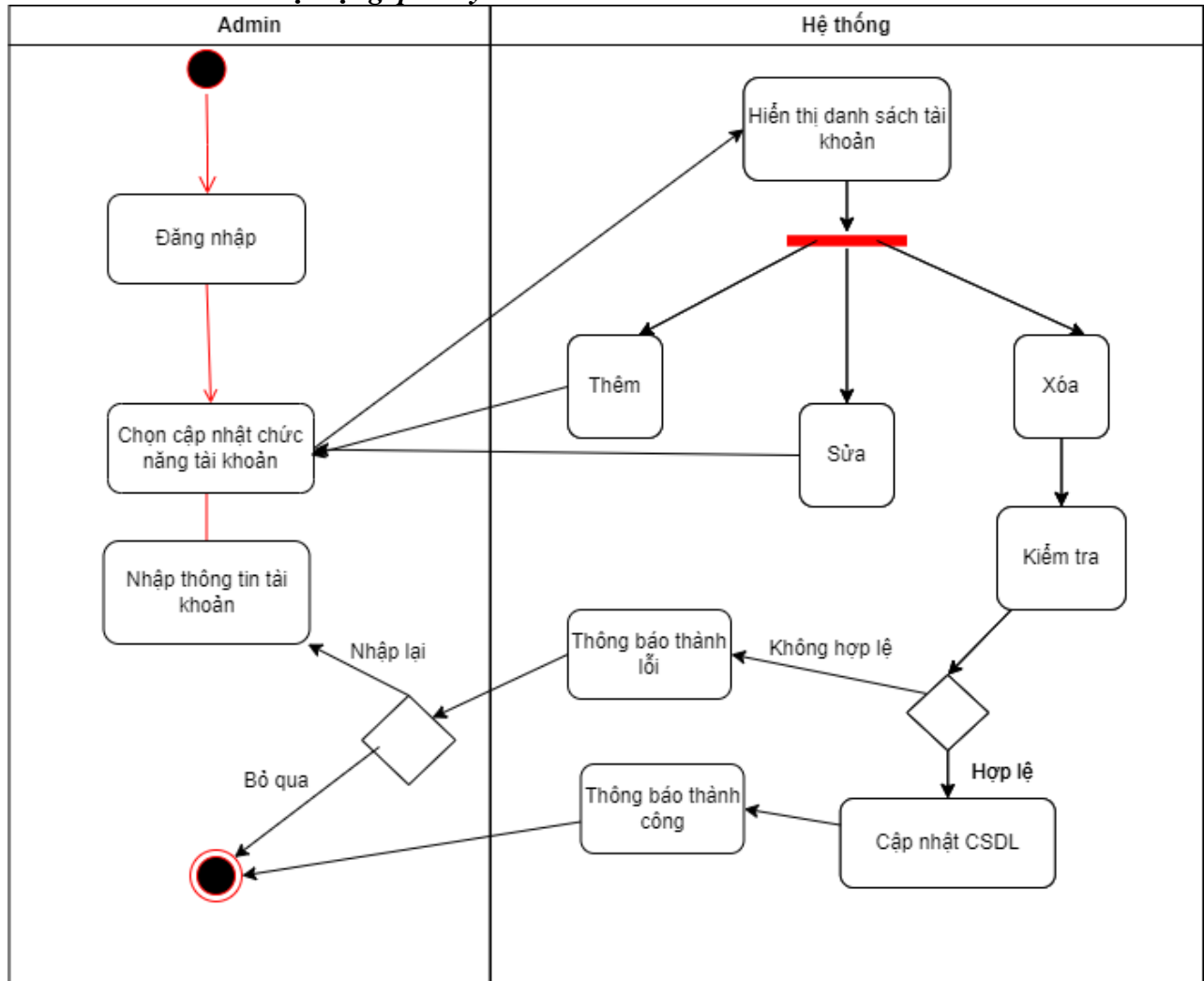
2.3. SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG

2.3.1. Sơ đồ hoạt động đăng nhập



Hình 2.17: Sơ đồ hoạt động đăng nhập

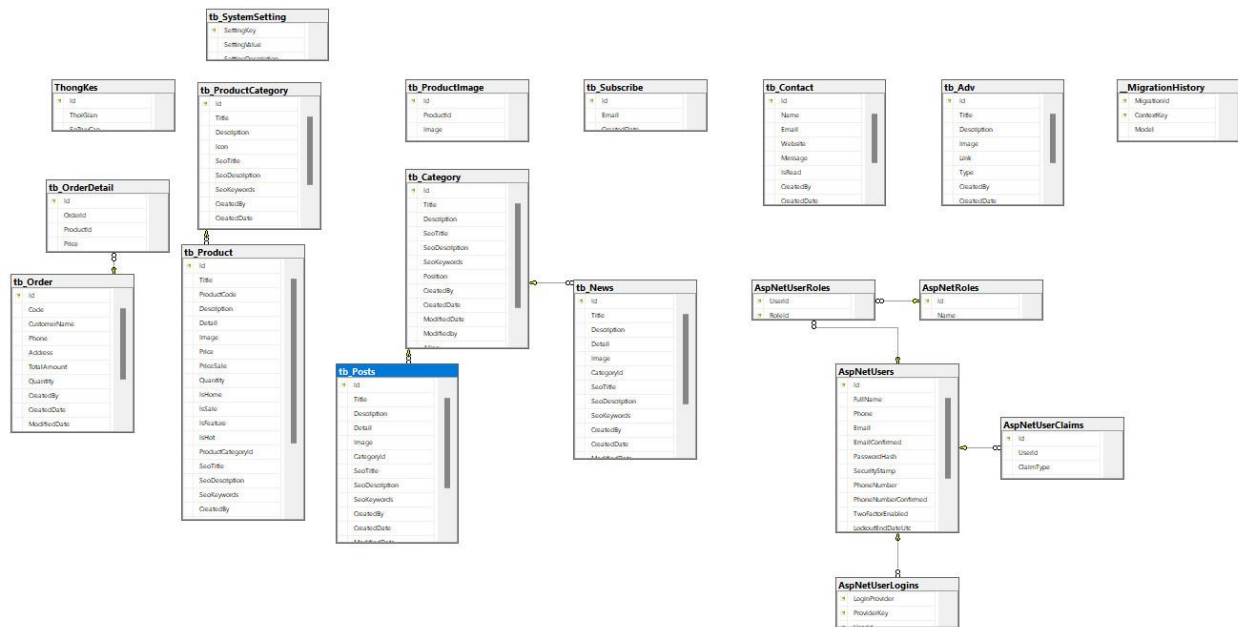
2.3.2. Sơ đồ hoạt động quản lý nhân viên



Hình 2.21: Sơ đồ hoạt động quản lý nhân viên

CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.1. SƠ ĐỒ QUAN HỆ TRONG CSDL



Hình 3.1: Sơ đồ quan hệ trong CSDL

3.2. MÔ TẢ BẢNG DỮ LIỆU

Bảng 3.1: Bảng Product

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id sản phẩm
2	Title	Nvarchar(250)	Tiêu đề sản phẩm
3	ProductCode	Nvarchar(50)	Mã sản phẩm
4	Description	Nvarchar(MAX)	Mô tả sản phẩm
5	Detail	Nvarchar(MAX)	Chi tiết sản phẩm
6	Image	nvarchar(250)	Hình ảnh sản phẩm
7	Price	decimal(18, 2)	Giá sản phẩm
8	PriceSale	decimal(18, 2)	Giá Sale
9	Quantity	int	Chất lượng sản phẩm
10	IsHome	bit	
11	IsSale	bit	
12	IsFeature	bit	
13	IsHot	bit	
14	ProductCategoryId	int	Id Danh mục sản phẩm
15	SeoTitle	nvarchar(250)	Từ khóa Tiêu đề
16	SeoDescription	nvarchar(500)	Từ khóa Chi tiết
17	SeoKeywords	nvarchar(250)	Từ khóa
18	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
19	CreatedDate	datetime	
20	ModifiedDate	datetime	
21	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
22	Alias	nvarchar(250)	
23	IsActive	bit	
24	ViewCount	int	

Bảng 3.2: Bảng ProductCategory

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
-----	------------	--------------	---------

1	Id	Int	Id sản phẩm
2	Title	Nvarchar(150)	Tiêu đề sản phẩm
3	Description	Nvarchar(MAX)	Mô tả sản phẩm
4	Icon	nvarchar(250)	Biểu tượng hình ảnh sản phẩm
5	SeoTitle	nvarchar(250)	Từ khóa Tiêu đề
6	SeoDescription	nvarchar(500)	Từ khóa Chi tiết
7	SeoKeywords	nvarchar(250)	Từ khóa
8	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
9	CreatedDate	datetime	
10	ModifiedDate	datetime	
11	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
12	Alias	nvarchar(150)	

Bảng 3.3: Bảng ProductImage

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id sản phẩm
2	ProductID	Int	Mã sản phẩm
3	Image	nvarchar(MAX)	Hình ảnh
4	IsDefault	bit	Mặc định

Bảng 3.4: Bảng Category

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id sản phẩm
2	Title	Nvarchar(150)	Tiêu đề sản phẩm
3	Description	Nvarchar(MAX)	Mô tả sản phẩm
4	SeoTitle	nvarchar(250)	Từ khóa Tiêu đề
5	SeoDescription	nvarchar(500)	Từ khóa Chi tiết
6	SeoKeywords	nvarchar(250)	Từ khóa
7	Position	Int	
8	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
9	CreatedDate	datetime	
10	ModifiedDate	datetime	
11	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
12	Alias	nvarchar(MAX)	
13	IsActive	bit	

Bảng 3.5: Bảng Adv

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	int	Id quảng cáo
2	Title	nvarchar(150)	Tiêu đề quảng cáo
3	Description	nvarchar(500)	Mô tả quảng cáo
4	Image	nvarchar(500)	Hình ảnh
5	Link	nvarchar(500)	Đường dẫn quảng cáo
6	Type	int	Kiểu quảng cáo
7	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
8	CreatedDate	datetime	
9	ModifiedDate	datetime	
10	Modifiedby	nvarchar(MAX)	

Bảng 3.6: Bảng Posts

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id bài viết
2	Title	nvarchar(150)	Tiêu đề bài viết
3	Description	Nvarchar(MAX)	Mô tả bài viết
4	Detail	Nvarchar(MAX)	Chi tiết bài viết
5	Image	nvarchar(250)	Hình ảnh bài viết
6	CategoryId	int	Id Danh mục
7	SeoTitle	nvarchar(250)	Từ khóa Tiêu đề
8	SeoDescription	nvarchar(500)	Từ khóa Chi tiết
9	SeoKeywords	nvarchar(250)	Từ khóa
10	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
11	CreatedDate	datetime	
12	ModifiedDate	datetime	
13	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
14	Alias	nvarchar(150)	
15	IsActive	bit	

Bảng 3.7: Bảng Contact

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id
2	Name	Nvarchar (150)	Tên liên hệ
3	Email	Nvarchar (150)	Email liên hệ
4	Website	Nvarchar (MAX)	Website
5	Message	Nvarchar (4000)	Nhắn tin liên hệ
6	IsRead	bit	
7	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
8	CreatedDate	datetime	
9	ModifiedDate	datetime	

10	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
----	------------	---------------	--

Bảng 3.8: Bảng News

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id tin tức
2	Title	nvarchar(150)	Tiêu đề tin tức
3	Description	Nvarchar(MAX)	Mô tả tin tức
4	Detail	Nvarchar(MAX)	Chi tiết tin tức
5	Image	nvarchar(MAX)	Hình ảnh tin tức
6	CategoryId	int	Id Danh mục
7	SeoTitle	nvarchar(250)	Từ khóa Tiêu đề
8	SeoDescription	nvarchar(500)	Từ khóa Chi tiết
9	SeoKeywords	nvarchar(250)	Từ khóa
10	CreatedBy	nvarchar(MAX)	
11	CreatedDate	datetime	
12	ModifiedDate	datetime	
13	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
14	Alias	nvarchar(150)	
15	IsActive	bit	

Bảng 3.9: Bảng Order

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id sản phẩm
2	Code	Nvarchar (MAX)	Mã sản phẩm
3	CustomerName	Nvarchar (MAX)	Tên khách hàng
4	Phone	Nvarchar (MAX)	Điện thoại
5	Address	Nvarchar (MAX)	Địa chỉ
6	TotalAmount	decimal(18, 2)	Tổng tiền
7	Quantity	Int	Chất lượng
8	CreatedBy	nvarchar(MAX)	

9	CreatedDate	datetime	
10	ModifiedDate	datetime	
11	Modifiedby	nvarchar(MAX)	
12	TypePayment	int	Hình thức trả tiền
13	Email	nvarchar(MAX)	Email

Bảng 3.10: Bảng OrderDetail

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id
2	OrderId	int	Id thanh toán
3	ProductId	Int	Id sản phẩm
4	Price	decimal(18, 2)	Giá
5	Quantity	int	Chất lượng

Bảng 3.11: Bảng Subscribe

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id
2	Email	Nvarchar (MAX)	Email
3	CreateDate	datetime	Ngày tạo

Bảng 3.12: Bảng SystemSetting (Cấu hình hệ thống)

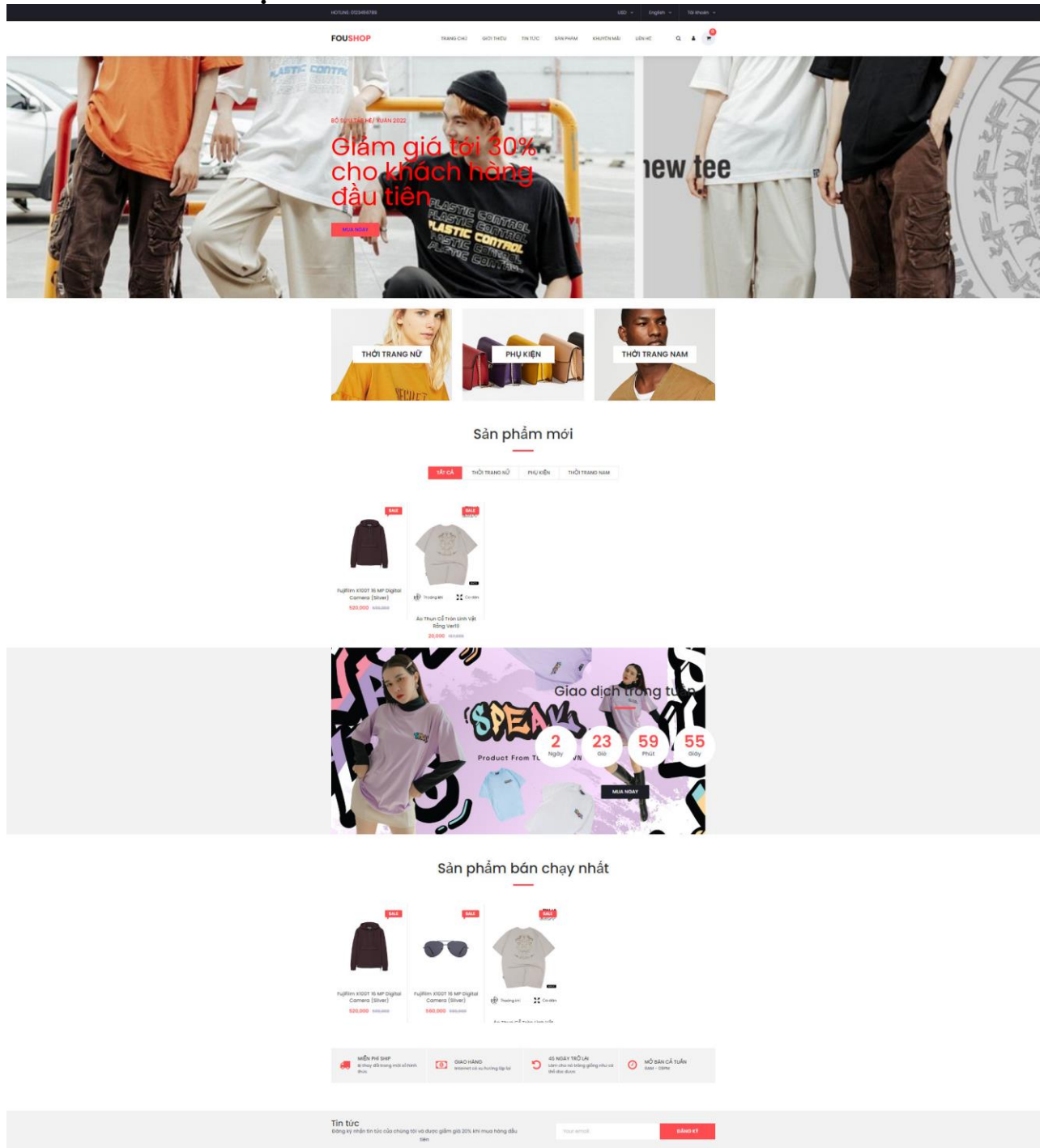
STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	SettingKey	Nvarchar (50)	Cấu hình từ khóa
2	SettingValue	Nvarchar (4000)	Cấu hình Giá trị
3	SettingDescription	Nvarchar (4000)	Cấu hình mô tả

Bảng 3.13: Bảng ThôngKese

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Ý nghĩa
1	Id	Int	Id
2	Thoigian	datetime	Thời gian
3	Sotruycap	bignit	Số lượng truy cập

CHƯƠNG 4. GIAO DIỆN VÀ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

4.1. GIAO DIỆN TRANG CHỦ



Hình 4.1: Giao diện trang chủ

Gồm có các trang sau: Trang chủ, các loại sản phẩm giảm giá và sản phẩm mới
Người dùng click vào các biểu tượng để chọn các mục muốn thực hiện.

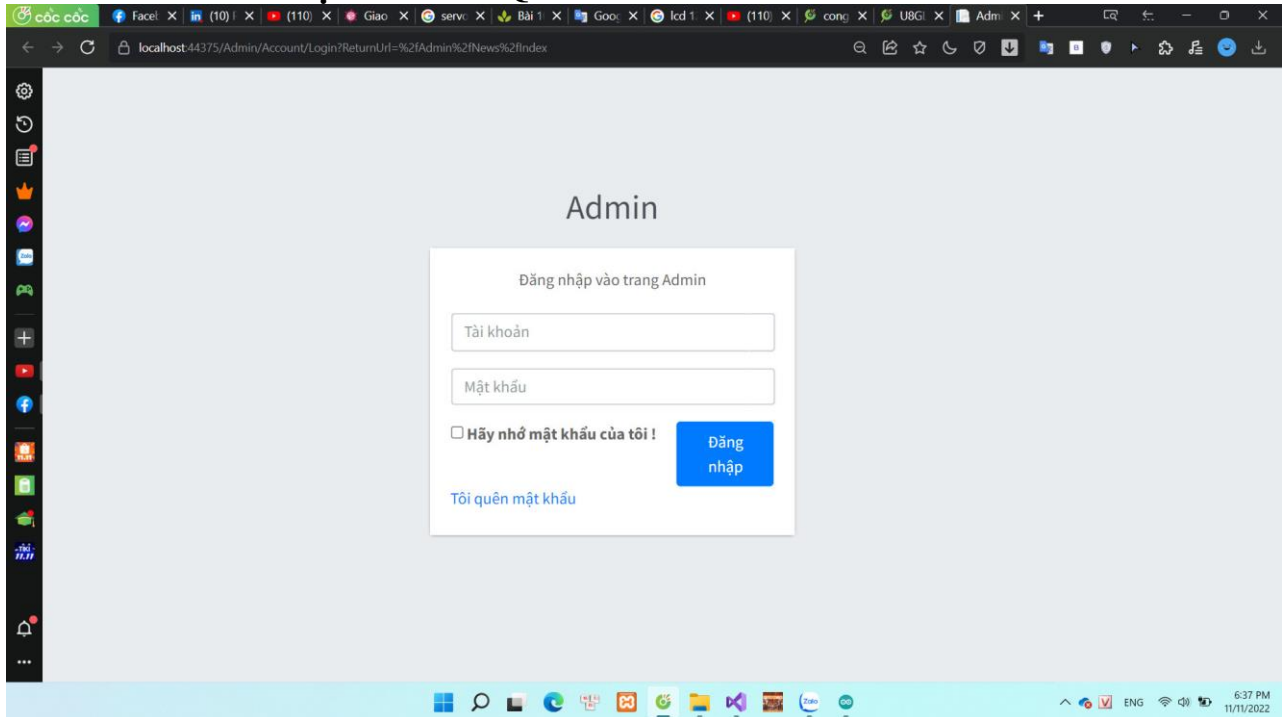
4.2. GIAO DIỆN TRANG ĐĂNG KÝ TRỰC TUYẾN

The screenshot displays the FOU SHOP website's registration interface. At the top, there's a navigation bar with the FOU SHOP logo and links for TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, TIN TỨC, SẢN PHẨM, KHUYẾN MÃI, and LIÊN HỆ. The main content area is titled 'Register. Tạo tài khoản mới'. It contains three input fields: 'Email', 'Password', and 'Confirm password', followed by a 'Register' button. Below this is a 'Tin tức' (News) section with a promotional message about a 20% discount on the first purchase for newsletter subscribers. A 'Đăng ký' (Sign up) button is provided for this section. The footer includes links to 'Blog', 'FAQs', and 'Liên hệ chúng tôi', social media icons, and a copyright notice: '©2022 Website FOU được thiết kế bởi Trường Vũ & FOU Shop'.

Hình 4.2: Giao diện trang đăng ký trực tuyến

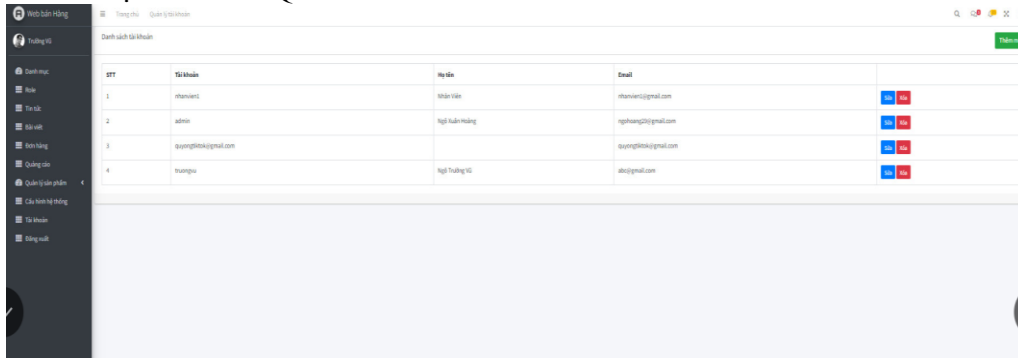
- Ý nghĩa của hoạt động: Đăng ký sử dụng hệ thống.
- Quy tắc hoạt động: Người dùng đăng ký tài khoản, trước tiên cần nhập các thông tin của người dùng.
- Các thao tác màn hình: Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu để đăng nhập mới có thể đăng ký online.

4.3. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ



Hình 4.6: Giao diện trang quản lý

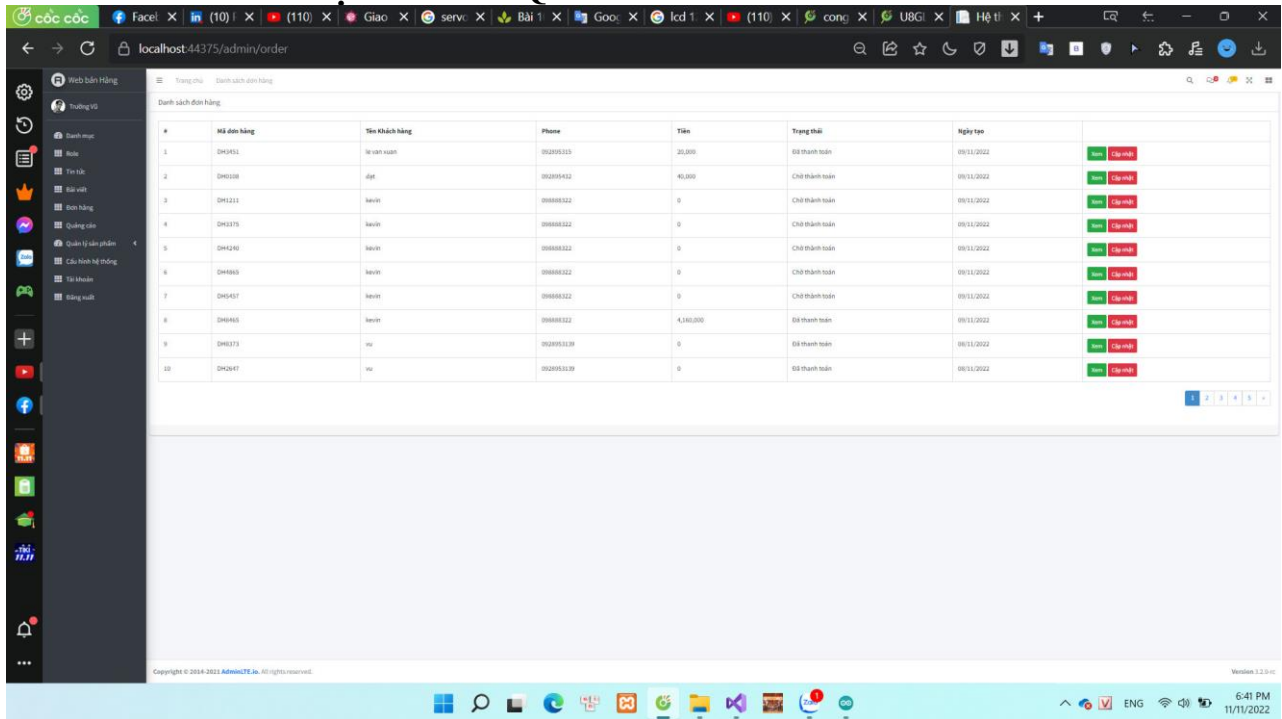
GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ TÀI KHOẢN



Hình 4.7: Giao diện trang quản lý sản phẩm

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin tài khoản
- Quy tắc hoạt động: Quản lý đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý, màn hình sẽ hiển thị thông tin tài khoản có trong hệ thống.

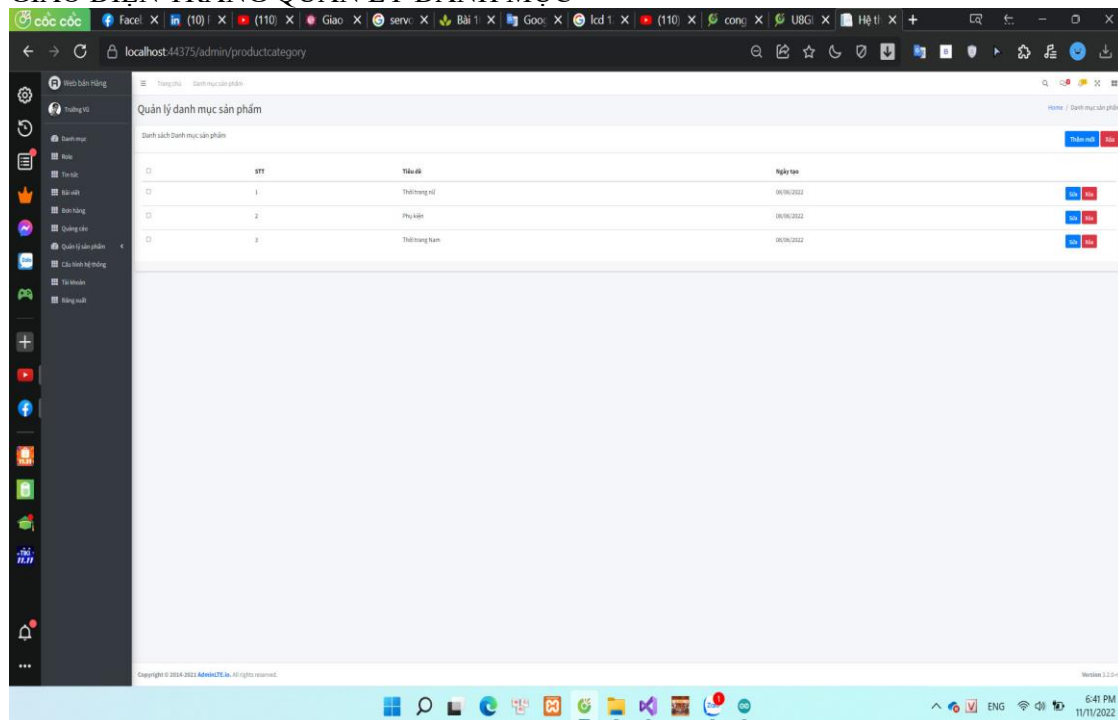
4.4. GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ ĐƠN HÀNG



Hình 4.14: Giao diện trang quản lý phòng

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý đơn hàng.
- Quy tắc hoạt động: Quản lý đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý đơn hàng, màn hình sẽ hiển thị thông tin các đơn hàng.
- Các thao tác màn hình: Quản lý chọn mục xem đơn hàng và cập nhật đơn hàng để thao tác các chức năng của trang.

GIAO DIỆN TRANG QUẢN LÝ DANH MỤC

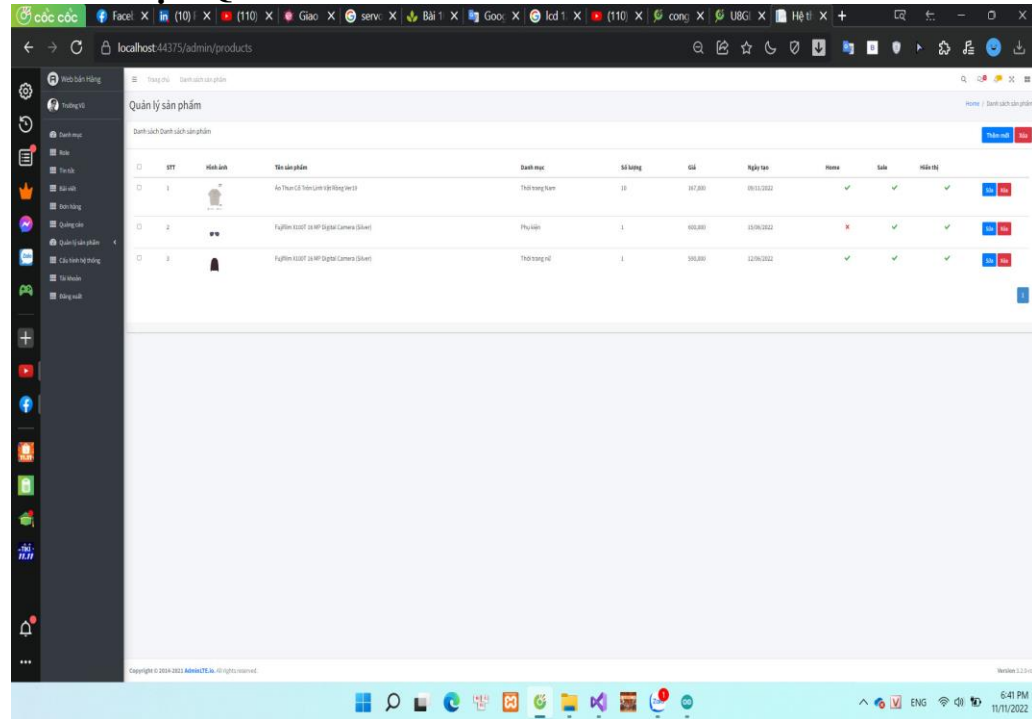


- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý danh mục

- Quy tắc hoạt động: Quản lý đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý danh mục màn hình sẽ hiển thị thông tin sản phẩm có trong hệ thống quản lý có thể xóa hoặc sửa danh mục.

Hình 4.15: Giao diện trang quản lý ca thi

4.5. GIAO DIỆN QUẢN LÝ SẢN PHẨM



Hình 4.17: Giao diện trang quản lý sản phẩm

- Ý nghĩa của hoạt động: Quản lý thông tin sản phẩm.
- Quy tắc hoạt động: Quản lý đăng nhập vào hệ thống, chọn mục quản lý sản phẩm, màn hình sẽ hiển thị thông tin các sản phẩm.

KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Chương trình được thiết kế gọn gàng, giao diện đẹp mắt giúp người sử dụng dễ dàng thực hiện các thao tác một cách thuận tiện. Qua những phân tích và tìm hiểu về phần mềm trên, chương trình đã được xây dựng trên cơ sở thực tế, dựa theo yêu cầu cụ thể của nhà quản lý trong công việc quản lý.

Hệ thống cho phép cập nhật các thông tin mới, cho phép thêm, xóa sửa thông tin của của sản phẩm và tài khoản.

2. Đánh giá kết quả

Khó khăn: Trong quá trình thực hiện khóa luận thì khó khăn lớn nhất là thiết kế cơ sở dữ liệu để có thể thực hiện đầy đủ các chức năng như đã phân tích trong nội dung thực hiện. Và khó khăn thứ hai là thu thập và nhập dữ liệu cho đầy đủ để có thể minh họa đầy đủ các chức năng của hệ thống.

Hạn chế: Vì thời gian thực hiện khóa luận có hạn nên hệ thống chỉ đáp ứng một vài chức năng quan trọng của đề tài, còn một vài chức năng chưa được đáp ứng.

3. Hướng phát triển

Hệ thống cần phát triển thêm vài chức năng còn thiếu như là:

- Người dùng có thể tự kiểm tra được thời gian giao nhận hàng.
- Hệ thống cần cải thiện tốc độ truy cập khi nhiều người truy cập cùng một thời điểm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

❖ Tiếng việt

- [1] Nguyễn Trọng Trí (2011), *Nghiên cứu mô hình MVC trong lập trình .NET để xây dựng website đăng ký mua giáo trình qua mạng*